

TRƯỜNG THPT BẮC YÊN THÀNH

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyên vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
1	15100255	Võ Ngọc Bảo Hân	Nữ	15/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	1	9,75	9,25	9,25	29,25	NV1	
2	15100560	Đặng Thị Quỳnh Như	Nữ	13/12/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	1	9,5	8,5	9,75	28,75	NV1	
3	15100154	Huỳnh Khánh Duy	Nam	12/08/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	9,25	9	10,00	28,25	NV1	
4	15100500	Trương Bảo Ngọc	Nữ	22/02/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,75	9,5	9,75	28,00	NV1	
5	15100791	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	26/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	9,5	9,75	28,00	NV1	
6	15100723	Trần Đình Thiên	Nam	09/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	9,25	9	9,50	27,75	NV1	
7	15100739	Hoàng Việt Thủy	Nam	07/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	9,25	9,75	27,75	NV1	
8	15100835	Đường Thanh Trúc	Nữ	24/09/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	1	8,5	9	9,25	27,75	NV1	
9	15100618	Nguyễn Việt Minh Quang	Nam	07/03/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	10	9,25	8,25	27,50	NV1	
10	15100136	Đậu Thị Thủy Dung	Nữ	18/12/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	9	8,75	9,50	27,25	NV1	
11	15100327	Nguyễn Thu Hương	Nữ	19/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	1	8,25	8,75	9,25	27,25	NV1	
12	15100606	Đậu Văn Lý Phương	Nam	21/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	9,5	9	8,75	27,25	NV1	
13	15100726	Trần Đức Thiên	Nam	26/05/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	9,25	9,25	8,75	27,25	NV1	
14	15100578	Phạm Thị Oanh	Nữ	24/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	9,25	9,25	27,00	NV1	
15	15100643	Đường Thị Quỳnh	Nữ	08/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	9,5	9,5	8,00	27,00	NV1	
16	15100782	Lại Thị Thùy Trang	Nữ	25/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9,25	9,50	27,00	NV1	
17	15100046	Trần Thụy Anh	Nữ	03/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	9	9,25	26,75	NV1	
18	15100808	Cung Hoàng Bảo Trâm	Nữ	30/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	9,25	9,50	26,75	NV1	
19	15100706	Nguyễn Phạm Phương Thảo	Nữ	29/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	8,75	9,50	26,50	NV1	
20	15100784	Lê Thị Trang	Nữ	05/05/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,5	9,25	8,75	26,50	NV1	
21	15100506	Nguyễn Võ Hoài Nguyên	Nam	28/12/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	9,25	8,33	8,75	26,33	NV1	
22	15100017	Đặng Lê Kim Anh	Nữ	24/10/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	9,5	8,75	26,25	NV1	
23	15100030	Nguyễn Thị Bảo Anh	Nữ	14/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	9	8,75	26,25	NV1	
24	15100198	Trần Duy Đạt	Nam	17/05/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,75	9	8,50	26,25	NV1	
25	15100300	Nguyễn Việt Mạnh Hùng	Nam	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	9	9,50	26,25	NV1	
26	15100343	Vũ Văn Khiêm	Nam	21/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	8,5	9,00	26,25	NV1	
27	15100517	Đậu Văn Thế Nhật	Nam	10/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	8	9,50	26,25	NV1	
28	15100637	Lê Văn Quyền	Nam	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	9,5	8,5	8,25	26,25	NV1	
29	15100020	Hà Minh Anh	Nữ	27/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,5	8,75	8,75	26,00	NV1	
30	15100396	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	17/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	8,75	9,00	26,00	NV1	
31	15100407	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	01/09/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	9	8,75	26,00	NV1	
32	15100533	Lê Uyên Nhi	Nữ	08/12/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	9,25	9,00	26,00	NV1	
33	15100546	Trịnh Trần Gia Nhi	Nữ	24/01/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,5	8,5	9,00	26,00	NV1	
34	15100563	Nguyễn Bảo Như	Nữ	02/08/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,75	8,5	8,75	26,00	NV1	
35	15100866	Thái Bá Tùng	Nam	26/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	9	8,5	8,50	26,00	NV1	
36	15100114	Võ Thị Thảo Chung	Nữ	03/02/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	8,75	9,50	25,75	NV1	
37	15100223	Hồ Thị Thiên Hà	Nữ	13/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	9,5	8,75	25,75	NV1	
38	15100257	Trần Thị Hậu	Nữ	07/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	1	7,75	9	8,00	25,75	NV1	
39	15100388	Hồ Thị Mỹ Linh	Nữ	28/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	8,75	8,75	25,75	NV1	
40	15100434	Trần Gia Ly	Nữ	06/09/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	8,25	9,25	25,75	NV1	
41	15100501	Vũ Vương Bảo Ngọc	Nữ	01/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	9,25	8,00	25,75	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
42	15100810	Lê Thị Bảo Trâm	Nữ	09/09/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	9,25	8,25	25,75	NV1	
43	15100933	Nguyễn Hải Yên	Nữ	05/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	8,75	9,00	25,75	NV1	
44	15100102	Lê Thị Minh Châu	Nữ	30/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	9,25	8,00	25,50	NV1	
45	15100235	Nguyễn Công Hào	Nam	28/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	9,25	7,50	25,50	NV1	
46	15100427	Phan Tiên Lợi	Nam	16/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8,75	8,5	8,25	25,50	NV1	
47	15100061	Trương Ngọc Anh	Nữ	01/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	8,5	8,75	25,25	NV1	
48	15100097	Nguyễn Gia Chân	Nam	28/06/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	8,75	8,25	25,25	NV1	
49	15100155	Lê Đức Bảo Duy	Nam	26/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8,25	8,5	8,50	25,25	NV1	
50	15100309	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	28/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9,5	7,50	25,25	NV1	
51	15100435	Trần Khánh Ly	Nữ	20/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	1	7,75	9	7,50	25,25	NV1	
52	15100468	Nguyễn Thị An Na	Nữ	27/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	1,5	8,25	9,5	6,00	25,25	NV1	
53	15100632	Hoàng Thị Quý	Nữ	29/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	9,25	8,50	25,25	NV1	
54	15100644	Hoàng Thị Khánh Quỳnh	Nữ	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	9	8,00	25,25	NV1	
55	15100650	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	16/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	9	8,25	25,25	NV1	
56	15100693	Nguyễn Việt Quốc Thái	Nam	03/11/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	9	8,00	25,25	NV1	
57	15100104	Vương Thị Hải Châu	Nữ	03/12/2011	Kinh	THCS Bạch Liêu	0	0	8,25	9	7,75	25,00	NV1	
58	15100353	Nguyễn Chí Kiên	Nam	01/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	8	8,75	25,00	NV1	
59	15100552	Nguyễn Bảo Nhung	Nữ	27/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	9	7,50	25,00	NV1	
60	15100562	Lê Thị Tô Như	Nữ	01/01/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,75	8,75	8,50	25,00	NV1	
61	15100663	Lê Văn Sơn	Nam	30/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,5	8,00	25,00	NV1	
62	15100670	Lê Hữu Tài	Nam	23/11/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	9,25	8,00	25,00	NV1	
63	15100770	Nguyễn Trần Khánh Toàn	Nam	05/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	9	7,75	25,00	NV1	
64	15100800	Trần Mai Trang	Nữ	21/01/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	8,75	8,25	25,00	NV1	
65	15100041	Trần Thị Lan Anh	Nữ	12/09/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	9,5	7,00	24,75	NV1	
66	15100092	Trần Văn Bình	Nam	30/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	8,75	7,50	24,75	NV1	
67	15100201	Võ Đình Tiên Đạt	Nam	21/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,75	8,50	24,75	NV1	
68	15100232	Nguyễn Thị Minh Hải	Nữ	10/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	9	7,75	24,75	NV1	
69	15100240	Hoàng Thị Minh Hằng	Nữ	29/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	9	7,75	24,75	NV1	
70	15100734	Trần Anh Thơ	Nữ	28/04/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8,25	8,5	8,00	24,75	NV1	
71	15100797	Tạ Thị Mai Trang	Nữ	30/03/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	9	9,5	6,25	24,75	NV1	
72	15100817	Nguyễn Hoàng Ngọc Trân	Nữ	19/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8	8,5	8,25	24,75	NV1	
73	15100888	Đường Thị Vi	Nữ	02/03/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,5	9,5	6,75	24,75	NV1	
74	15100076	Nguyễn Đình Bảo	Nam	27/01/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	9,25	7,25	24,50	NV1	
75	15100135	Ngô Thị Doanh	Nữ	19/08/2011	Kinh	THCS Bạch Liêu	0	0	8	9	7,50	24,50	NV1	
76	15100142	Vũ Lê Ngọc Dung	Nữ	30/11/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8	8	8,50	24,50	NV1	
77	15100160	Thái Khắc Anh Duy	Nam	27/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	9,5	8,5	6,50	24,50	NV1	
78	15100184	Nguyễn Trần A Đan	Nữ	25/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	9	7,25	24,50	NV1	
79	15100372	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	14/02/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	9	9,25	6,25	24,50	NV1	
80	15100433	Lê Trần Khánh Ly	Nữ	13/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	9	7,50	24,50	NV1	
81	15100438	Ngô Hồng Mai	Nữ	03/09/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	8,5	7,75	24,50	NV1	
82	15100450	Mai Huy Gia Minh	Nam	11/11/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	8,5	7,75	24,50	NV1	
83	15100493	Nguyễn Hoàng Thảo Ngọc	Nữ	04/12/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,75	8,75	8,00	24,50	NV1	
84	15100645	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,25	7,75	24,50	NV1	
85	15100908	Lê Thị Thảo Vy	Nữ	11/04/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	9	8,25	24,50	NV1	
86	15100059	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	10/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	8,5	7,75	24,25	NV1	
87	15100185	Nguyễn Trần Khánh Đan	Nữ	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	9	7,25	24,25	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
88	15100229	Trần Hoàng Hà	Nam	02/12/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8,5	8,25	7,50	24,25	NV1	
89	15100520	Phan Đức Nhật	Nam	29/08/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	7,5	9,00	24,25	NV1	
90	15100581	Trương Thị Kim Oanh	Nữ	18/06/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	1	8	9,5	5,75	24,25	NV1	
91	15100605	Trần Gia Phước	Nam	23/06/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	9,25	7,75	7,25	24,25	NV1	
92	15100746	Trần Phương Thủy	Nữ	14/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	7,75	8,25	24,25	NV1	
93	15100174	Nguyễn Tuấn Đại	Nam	01/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	8	7,75	24,00	NV1	
94	15100392	Nguyễn Hà Linh	Nữ	02/01/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	9	7,50	24,00	NV1	
95	15100177	Hoàng Linh Đan	Nữ	03/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9	6,50	23,75	NV1	
96	15100178	Hoàng Thị Linh Đan	Nữ	01/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9,25	6,25	23,75	NV1	
97	15100564	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	13/06/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,5	7,75	23,75	NV1	
98	15100595	Cao Khắc Phú	Nam	12/06/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,5	6,75	23,75	NV1	
99	15100604	Nguyễn Hồ Tân Phước	Nam	11/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	8,75	6,50	23,75	NV1	
100	15100713	Hà Tiên Thăng	Nam	28/05/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8,25	8	7,50	23,75	NV1	
101	15100731	Trần Xuân Thịnh	Nam	15/03/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	8,5	7,50	23,75	NV1	
102	15100793	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	13/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9	6,50	23,75	NV1	
103	15100826	Trần Đăng Triết	Nam	06/11/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8	8,25	23,75	NV1	
104	15100884	Tăng Thị Lê Văn	Nữ	03/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	9,25	6,50	23,75	NV1	
105	15100907	Trịnh Xuân Vương	Nam	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	9	7	7,75	23,75	NV1	
106	15100080	Tạ Duy Bảo	Nam	16/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	8,5	7,50	23,50	NV1	
107	15100144	Lê Tiên Dũng	Nam	18/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	8,25	8,25	23,50	NV1	
108	15100226	Nguyễn Thị Hà	Nữ	06/12/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	9	6,25	23,50	NV1	
109	15100238	Hà Thị Minh Hằng	Nữ	27/02/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	8,75	6,75	23,50	NV1	
110	15100321	Nguyễn Thái Hưng	Nam	01/06/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,75	6,25	23,50	NV1	
111	15100356	Trần Đức Kiên	Nam	27/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	8,75	6,75	23,50	NV1	
112	15100470	Lê Hoàng Nam	Nam	26/02/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	9,25	6,75	23,50	NV1	
113	15100542	Thái Yên Nhi	Nữ	15/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	9,25	6,75	23,50	NV1	
114	15100561	Lại Thị Tâm Như	Nữ	19/08/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	9,25	6,25	23,50	NV1	
115	15100769	Trần Văn Tiên	Nam	27/02/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	9	6,75	23,50	NV1	
116	15100799	Tông Nguyễn Phương Trang	Nữ	20/12/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	7,75	8,00	23,50	NV1	
117	15100924	Nguyễn Thành Y	Nam	06/04/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,5	7,5	7,50	23,50	NV1	
118	15100018	Đặng Lê Nhung Anh	Nữ	24/10/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	8,5	7,25	23,25	NV1	
119	15100045	Trần Thị Quỳnh Anh	Nữ	06/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	8,5	7,25	23,25	NV1	
120	15100181	Nguyễn Khiết Đan	Nữ	26/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,75	9	6,50	23,25	NV1	
121	15100186	Phạm Linh Đan	Nữ	23/05/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8	7,75	7,50	23,25	NV1	
122	15100272	Tạ Minh Hiếu	Nam	19/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8,25	8,75	6,25	23,25	NV1	
123	15100358	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	24/06/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	7	8,25	23,25	NV1	
124	15100378	Chu Thị Thủy Linh	Nữ	16/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	9,25	6,00	23,25	NV1	
125	15100534	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	Nữ	03/08/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0,5	7,75	9	6,00	23,25	NV1	
126	15100591	Nguyễn Ngọc Phi	Nam	08/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	9	5,75	23,25	NV1	
127	15100601	Võ Ngọc Phúc	Nam	22/02/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8,25	7,75	7,25	23,25	NV1	
128	15100919	Trần Lê Tường Vy	Nữ	13/11/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,25	8,75	7,25	23,25	NV1	
129	15100920	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	02/06/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,5	7,25	23,25	NV1	
130	15100016	Cung Hoàng Anh	Nam	13/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	7	7,75	23,00	NV1	
131	15100116	Nguyễn Đức Công	Nam	22/08/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,75	8	7,25	23,00	NV1	
132	15100352	Nguyễn Chí Kiên	Nam	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8,25	7,5	7,25	23,00	NV1	
133	15100386	Hoàng Thị Khánh Linh	Nữ	10/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	7,75	6,75	23,00	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
134	15100411	Võ Uyên Linh	Nữ	25/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	9	6,25	23,00	NV1	
135	15100557	Dương Thị Quỳnh Như	Nữ	02/12/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	8,25	7,00	23,00	NV1	
136	15100573	Nguyễn Quyên Nin	Nam	29/06/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	7,5	7,00	23,00	NV1	
137	15100823	Nguyễn Duy Trí	Nam	19/07/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	8,5	6,25	23,00	NV1	
138	15100023	Hoàng Phương Anh	Nữ	03/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	8,75	6,00	22,75	NV1	
139	15100089	Nguyễn Thị Ngọc Bình	Nữ	16/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	8,75	5,75	22,75	NV1	
140	15100099	Đình Trọng Châu	Nam	27/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	8,25	6,50	22,75	NV1	
141	15100125	Phan Văn Cường	Nam	24/09/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	7	7,50	22,75	NV1	
142	15100143	Bùi Huy Dũng	Nam	31/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	6,5	8,25	22,75	NV1	
143	15100206	Thái Việt Đoàn	Nam	28/07/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	8,25	6,75	22,75	NV1	
144	15100274	Trần Thị Hoa	Nữ	24/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	8,5	6,50	22,75	NV1	
145	15100332	Phan Văn Khải	Nam	21/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,5	5,75	22,75	NV1	
146	15100383	Hà Phương Linh	Nữ	10/07/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,75	6,50	22,75	NV1	
147	15100410	Võ Phương Linh	Nữ	10/04/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8	7,25	22,75	NV1	
148	15100443	Đoàn Bá Mạnh	Nam	10/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	9	6,00	22,75	NV1	
149	15100547	Vũ Thị Thảo Nhi	Nữ	07/04/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	8,75	6,25	22,75	NV1	
150	15100671	Phạm Đình Tài	Nam	12/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	9	5,50	22,75	NV1	
151	15100678	Hoàng Danh Tân	Nam	22/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	9	5,75	22,75	NV1	
152	15100712	Đâu Đức Thăng	Nam	05/12/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8,25	8	6,50	22,75	NV1	
153	15100761	Phạm Hà Thương	Nữ	07/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,25	9	6,50	22,75	NV1	
154	15100127	Nguyễn Hoàng Danh	Nam	02/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,5	7,75	6,25	22,50	NV1	
155	15100308	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	31/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	9,25	5,50	22,50	NV1	
156	15100348	Lê Duy Khôi	Nam	05/06/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	7,5	7,75	22,50	NV1	
157	15100513	Mai Huy Nhân	Nam	16/05/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,75	8,25	6,50	22,50	NV1	
158	15100587	Nguyễn Hữu Phát	Nam	24/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	8,5	5,25	22,50	NV1	
159	15100598	Nguyễn Văn Phúc	Nam	20/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	8,5	6,00	22,50	NV1	
160	15100662	Đào Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	15/02/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,75	8	6,75	22,50	NV1	
161	15100666	Mai Thị Hồng Sương	Nữ	17/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	9,25	6,00	22,50	NV1	
162	15100680	Nguyễn Mạnh Tân	Nam	27/06/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	9,25	5,50	22,50	NV1	
163	15100785	Ngô Thị Thùy Trang	Nữ	25/07/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	9,25	5,25	22,50	NV1	
164	15100025	Hồ Quỳnh Anh	Nữ	13/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	9	5,50	22,25	NV1	
165	15100044	Trần Thị Quỳnh Anh	Nữ	10/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,5	8	5,75	22,25	NV1	
166	15100054	Nguyễn Hồng Anh	Nữ	10/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	9	5,75	22,25	NV1	
167	15100058	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	18/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	9	5,00	22,25	NV1	
168	15100067	Đào Quang Báo	Nam	18/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	8,75	5,50	22,25	NV1	
169	15100108	Tăng Mai Yên Chi	Nữ	29/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	9	5,50	22,25	NV1	
170	15100113	Trần Văn Chung	Nam	01/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	8,25	5,75	22,25	NV1	
171	15100115	Phan Thanh Chương	Nam	27/09/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8,25	6,50	22,25	NV1	
172	15100152	Cung Đình Duy	Nam	22/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	8	5,75	22,25	NV1	
173	15100254	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	8,5	5,75	22,25	NV1	
174	15100282	Lương Ngọc Hoàn	Nam	01/04/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	8	6,25	22,25	NV1	
175	15100285	Hà Mạnh Hoàng	Nam	07/01/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	7,5	7,25	22,25	NV1	
176	15100329	Lê Văn Hường	Nam	28/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,5	7,75	6,00	22,25	NV1	
177	15100364	Phan Thị Thanh Lam	Nữ	01/11/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,25	8,5	6,50	22,25	NV1	
178	15100440	Nguyễn Thị Anh Mai	Nữ	02/07/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	9	5,75	22,25	NV1	
179	15100458	Cao Nguyễn Trà My	Nữ	12/12/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	9	5,75	22,25	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
180	15100462	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	16/12/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,25	6,50	22,25	NV1	
181	15100492	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7	8,75	6,50	22,25	NV1	
182	15100503	Lê Văn Nguyễn	Nam	14/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,5	8,75	5,00	22,25	NV1	
183	15100523	Trần Long Nhật	Nam	17/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0,5	7	8	6,75	22,25	NV1	
184	15100527	Cung Tuệ Nhi	Nữ	24/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,25	8,75	6,25	22,25	NV1	
185	15100611	Cao Xuân Quang	Nam	06/07/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8,25	7,5	6,50	22,25	NV1	
186	15100691	Hồ Sỹ Thái	Nam	21/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8,5	8	5,75	22,25	NV1	
187	15100765	Ngô Gia Tiên	Nam	01/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,25	6,50	22,25	NV1	
188	15100812	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	19/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,5	6,25	22,25	NV1	
189	15100879	Lê Thị Cẩm Vân	Nữ	28/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,75	9,25	6,25	22,25	NV1	
190	15100886	Đặng Hà Vi	Nữ	05/08/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	8,25	6,25	22,25	NV1	
191	15100084	Trần Gia Bảo	Nam	03/04/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	8	5,75	22,00	NV1	
192	15100157	Nguyễn Anh Duy	Nam	30/07/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	9	5,50	22,00	NV1	
193	15100239	Hoàng Thanh Hằng	Nữ	18/03/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8,25	9	4,75	22,00	NV1	
194	15100269	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	8,5	5,25	22,00	NV1	
195	15100291	Vương Hà Huy Hoàng	Nam	15/07/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8	8,25	5,75	22,00	NV1	
196	15100334	Trần Đình Khải	Nam	01/08/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	8,25	5,75	22,00	NV1	
197	15100439	Nguyễn Thị Mai	Nữ	17/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	8	6,00	22,00	NV1	
198	15100442	Đình Công Đức Mạnh	Nam	04/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	9	4,75	22,00	NV1	
199	15100786	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	9	5,50	22,00	NV1	
200	15100792	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/04/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	9,25	5,25	22,00	NV1	
201	15100813	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	Nữ	26/03/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	1	7,5	9,25	4,25	22,00	NV1	
202	15100819	Phan Thị Mỹ Trân	Nữ	16/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	9,5	5,00	22,00	NV1	
203	15100176	Đâu Thị Linh Đan	Nữ	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,25	8,08	7,50	21,83	NV1	
204	15100088	Hoàng Nguyệt Bình	Nữ	22/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	1,5	0	7,5	8,5	4,25	21,75	NV1	
205	15100130	Nguyễn Thị Trúc Diễm	Nữ	28/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	7,5	6,75	21,75	NV1	
206	15100131	Mai Ngọc Diệp	Nữ	14/09/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6,75	8,25	6,75	21,75	NV1	
207	15100222	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	30/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	1,5	0	7,25	8,25	4,75	21,75	NV1	
208	15100261	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	10/10/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,25	8,5	6,00	21,75	NV1	
209	15100374	Vũ Thị Bảo Lê	Nữ	07/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	8	5,50	21,75	NV1	
210	15100449	Hoàng Thị Thu Minh	Nữ	28/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	8,25	5,75	21,75	NV1	
211	15100535	Nguyễn Thị Bảo Nhi	Nữ	19/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	9	5,25	21,75	NV1	
212	15100613	Hoàng Phú Quang	Nam	30/07/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	8,25	5,50	21,75	NV1	
213	15100641	Nguyễn Văn Quyết	Nam	18/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	7,5	6,75	21,75	NV1	
214	15100652	Dương Quang Sang	Nam	16/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	8	5,75	21,75	NV1	
215	15100795	Phan Thị Quỳnh Trang	Nữ	03/12/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	8	6,25	21,75	NV1	
216	15100867	Tông Hữu Tùng	Nam	11/03/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8,25	8,25	5,25	21,75	NV1	
217	15100902	Phạm Phi Vũ	Nam	15/09/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	8,25	5,00	21,75	NV1	
218	15100912	Nguyễn Thị Hà Vy	Nữ	24/02/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6,75	8,25	6,75	21,75	NV1	
219	15100923	Nguyễn Thị Kim Xuyên	Nữ	28/08/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	8	6,25	21,75	NV1	
220	15100940	Võ Hoàng Yên	Nữ	19/09/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	8	6,75	21,75	NV1	
221	15100227	Nguyễn Thu Hà	Nữ	30/04/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,33	8	6,25	21,58	NV1	
222	15100050	Hà Ngọc Anh	Nữ	25/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	8,75	4,75	21,50	NV1	
223	15100150	Trương Văn Dũng	Nam	01/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,25	8	6,25	21,50	NV1	
224	15100199	Trần Đình Đạt	Nam	04/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,75	5,25	21,50	NV1	
225	15100213	Phạm Anh Đức	Nam	17/11/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	8,25	5,25	21,50	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
226	15100215	Đào Văn Giang	Nam	12/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,5	8,5	4,50	21,50	NV1	
227	15100342	Võ Duy Khánh	Nam	09/01/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	6,5	8,5	6,50	21,50	NV1	
228	15100344	Lê Duy Khoa	Nam	05/06/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8	7,5	6,00	21,50	NV1	
229	15100380	Đậu Thùy Linh	Nữ	13/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	7,75	6,25	21,50	NV1	
230	15100395	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	05/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,75	5,25	21,50	NV1	
231	15100505	Nguyễn Thị Bảo Nguyễn	Nữ	12/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	8,5	5,50	21,50	NV1	
232	15100530	Hồ Bạch Uyên Nhi	Nữ	22/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	8,5	5,75	21,50	NV1	
233	15100610	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	16/07/2011	Kinh	THCS Phan Đăng Lưu	0	0	7,75	8,25	5,50	21,50	NV1	
234	15100646	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	01/09/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	5,75	21,50	NV1	
235	15100689	Đào Quốc Thái	Nam	16/09/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,75	7,5	5,25	21,50	NV1	
236	15100721	Nguyễn Vương Hoàng Thiên	Nam	20/02/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,25	8	6,25	21,50	NV1	
237	15100754	Trần Anh Thư	Nữ	07/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	9	4,75	21,50	NV1	
238	15100766	Nguyễn Bá Tiên	Nam	03/09/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	8,75	4,50	21,50	NV1	
239	15100796	Phan Thị Thu Trang	Nữ	17/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,75	7,25	5,50	21,50	NV1	
240	15100803	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	09/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	9	4,50	21,50	NV1	
241	15100811	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	21/04/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,75	5,25	21,50	NV1	
242	15100897	Nguyễn Duy Vinh	Nam	18/06/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	9	4,50	21,50	NV1	
243	15100011	Trần Thái Khánh An	Nam	30/03/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	7,25	5,75	21,25	NV1	
244	15100022	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	20/11/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	8,5	4,75	21,25	NV1	
245	15100028	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	26/01/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	9	4,75	21,25	NV1	
246	15100098	Dương Thị Bảo Châu	Nữ	16/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	8,25	5,25	21,25	NV1	
247	15100165	Phạm Thị Duyên	Nữ	07/02/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	8,25	5,25	21,25	NV1	
248	15100264	Trần Đình Hiên	Nam	26/11/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	9	4,75	21,25	NV1	
249	15100305	Trịnh Đức Huy	Nam	11/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	9	4,75	21,25	NV1	
250	15100346	Trần Phúc Khoa	Nam	26/09/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8	5,25	21,25	NV1	
251	15100365	Trần Đình Lâm	Nam	08/06/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,75	8	5,50	21,25	NV1	
252	15100379	Cung Thị Linh	Nữ	10/01/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	8	5,25	21,25	NV1	
253	15100403	Trần Đình Linh	Nam	02/02/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	8	5,00	21,25	NV1	
254	15100414	Hoàng Thị Loan	Nữ	28/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	9,25	4,25	21,25	NV1	
255	15100497	Phan Thị Minh Ngọc	Nữ	14/05/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,5	5,25	21,25	NV1	
256	15100583	Hoàng Văn Pác	Nam	04/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	8,5	4,75	21,25	NV1	
257	15100599	Tăng Đình Phúc	Nam	11/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	8,5	4,75	21,25	NV1	
258	15100626	Ta Minh Quân	Nam	16/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8	8,75	4,50	21,25	NV1	
259	15100700	Hà Minh Thành	Nam	06/11/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8	7,75	5,50	21,25	NV1	
260	15100846	Hà Nhật Trường	Nam	13/12/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	8	5,50	21,25	NV1	
261	15100851	Hồ Thị Cẩm Tú	Nữ	13/01/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8,25	8,25	4,75	21,25	NV1	
262	15100883	Phan Thị Vân	Nữ	30/09/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7	8,75	5,50	21,25	NV1	
263	15100230	Vương Thị Ngọc Hà	Nữ	10/03/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8	8,3	4,75	21,05	NV1	
264	15100072	Hồ Sỹ Bảo	Nam	15/07/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	7,75	5,75	21,00	NV1	
265	15100124	Nguyễn Việt Cường	Nam	20/03/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,75	8	5,25	21,00	NV1	
266	15100146	Nguyễn Hồ Dũng	Nam	10/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	8	4,75	21,00	NV1	
267	15100153	Đặng Trọng Duy	Nam	14/07/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,75	7,5	5,75	21,00	NV1	
268	15100228	Phan Thị Hà	Nữ	24/02/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	8,5	4,50	21,00	NV1	
269	15100250	Trần Thủy Hằng	Nữ	02/06/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7	9	5,00	21,00	NV1	
270	15100281	Trần Thị Hoài	Nữ	10/06/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	8,25	4,50	21,00	NV1	
271	15100301	Võ Tả Quốc Hùng	Nam	02/08/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,5	5,00	21,00	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
272	15100303	Nguyễn Hoàng Huy	Nam	21/12/2011	Kinh	THCS Đô Thành	0	0	7,75	8,5	4,75	21,00	NV1	
273	15100306	Cao Khánh Huyền	Nữ	06/01/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	9	4,50	21,00	NV1	
274	15100312	Phan Thị Huyền	Nữ	27/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,5	5,00	21,00	NV1	
275	15100391	Mai Khánh Linh	Nữ	03/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	5,25	21,00	NV1	
276	15100669	Bạch Tiên Tài	Nam	04/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,5	5,00	21,00	NV1	
277	15100694	Đình Trọng Thanh	Nam	14/07/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8,5	5,00	21,00	NV1	
278	15100708	Trần Thị Thảo	Nữ	28/05/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	8,75	4,75	21,00	NV1	
279	15100709	Võ Thị Thâm	Nữ	09/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	7,25	5,50	21,00	NV1	
280	15100716	Vũ Đình Thê	Nam	17/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	9,25	4,25	21,00	NV1	
281	15100727	Phan Văn Thiệt	Nam	26/12/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	8,25	5,50	21,00	NV1	
282	15100773	Nguyễn Việt Toàn	Nam	22/06/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8,25	8,25	4,50	21,00	NV1	
283	15100014	Cao Hoàng Anh	Nam	10/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	6,75	6,00	20,75	NV1	
284	15100036	Trần Đức Anh	Nam	25/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8,25	4,50	20,75	NV1	
285	15100110	Trần Đình Chiên	Nam	15/02/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7	7,75	6,00	20,75	NV1	
286	15100126	Tăng Bá Cường	Nam	01/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	7,25	5,50	20,75	NV1	
287	15100140	Phan Thị Kim Dung	Nữ	26/01/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	7,75	5,00	20,75	NV1	
288	15100168	Phạm Thùy Dương	Nữ	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	7,25	5,75	20,75	NV1	
289	15100190	Vũ Trần Linh Đan	Nữ	03/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	9	4,25	20,75	NV1	
290	15100194	Đình Thành Đạt	Nam	30/03/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	8	5,25	20,75	NV1	
291	15100203	Dương Quang Đăng	Nam	10/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,25	8	5,50	20,75	NV1	
292	15100275	Đào Quang Hòa	Nam	20/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,25	9	4,50	20,75	NV1	
293	15100324	Trần Công Hưng	Nam	03/02/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	8,25	4,75	20,75	NV1	
294	15100333	Trần Đình Khải	Nam	13/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	7,5	5,25	20,75	NV1	
295	15100404	Trần Gia Linh	Nữ	21/12/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7	7,75	6,00	20,75	NV1	
296	15100424	Hoàng Đức Lộc	Nam	11/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	8,75	4,25	20,75	NV1	
297	15100431	Phan Thị Hoài Lương	Nữ	18/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,25	5,00	20,75	NV1	
298	15100461	Lê Thị Hà My	Nữ	21/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,75	8	6,00	20,75	NV1	
299	15100494	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	8,75	4,25	20,75	NV1	
300	15100511	Đào Thị Thanh Nhân	Nữ	10/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	8,25	4,75	20,75	NV1	
301	15100519	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	06/07/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	6,75	6,75	20,75	NV1	
302	15100528	Đậu Trần Linh Nhi	Nữ	08/11/2010	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,75	8,75	4,25	20,75	NV1	
303	15100600	Trần Hữu Thiên Phúc	Nam	18/03/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	8	5,25	20,75	NV1	
304	15100699	Vương Thị Thanh Thanh	Nữ	24/12/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8,5	4,75	20,75	NV1	
305	15100705	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	8,25	5,25	20,75	NV1	
306	15100741	Trần Thị Phương Thủy	Nữ	24/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,75	9,25	4,75	20,75	NV1	
307	15100742	Hoàng Thị Ngọc Thủy	Nữ	18/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,5	4,75	20,75	NV1	
308	15100745	Trần Lê Thị Thúy	Nữ	10/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8,25	4,50	20,75	NV1	
309	15100779	Đình Hoàng Đoàn Trang	Nữ	16/05/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	8,75	5,00	20,75	NV1	
310	15100825	Nguyễn Hữu Triệt	Nam	03/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	7,5	5,75	20,75	NV1	
311	15100870	Hồ Thị Anh Tuyết	Nữ	30/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8,75	4,00	20,75	NV1	
312	15100015	Chu Thị Quỳnh Anh	Nữ	12/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	9	3,75	20,50	NV1	
313	15100027	Nguyễn Đức Anh	Nam	16/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	8,75	3,75	20,50	NV1	
314	15100052	Hồ Thị Kim Anh	Nữ	08/02/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	6,25	8	6,25	20,50	NV1	
315	15100164	Đường Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/08/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	6,5	7	7,00	20,50	NV1	
316	15100171	Phan Thị Thùy Dương	Nữ	14/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,25	4,75	20,50	NV1	
317	15100218	Võ Thị Khánh Giang	Nữ	16/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7	8,75	4,75	20,50	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
318	15100220	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	17/04/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8,25	4,75	20,50	NV1	
319	15100241	Lê Thị Hằng	Nữ	28/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,5	4,50	20,50	NV1	
320	15100268	Huỳnh Chí Hiếu	Nam	09/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6	8,5	6,00	20,50	NV1	
321	15100363	Phan Nguyễn Thanh Lam	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7	9,25	4,25	20,50	NV1	
322	15100390	Lê Thị Phương Linh	Nữ	12/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	4,75	7,75	8,00	20,50	NV1	
323	15100406	Trần Ngọc Linh	Nữ	06/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7	8,75	4,75	20,50	NV1	
324	15100554	Trần Thị Nhung	Nữ	17/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	7,75	4,75	20,50	NV1	
325	15100612	Đặng Văn Quang	Nam	16/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	7,25	5,75	20,50	NV1	
326	15100642	Cao Xuân Quỳnh	Nam	02/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	9	4,00	20,50	NV1	
327	15100677	Trương Thị Thanh Tâm	Nữ	07/08/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,5	8,75	4,25	20,50	NV1	
328	15100737	Lê Thị Thuần	Nữ	08/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	8	5,25	20,50	NV1	
329	15100744	Phan Thị Thúy	Nữ	04/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,75	8,5	5,25	20,50	NV1	
330	15100821	Trần Đức Tri	Nam	01/12/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	5,00	20,50	NV1	
331	15100833	Lê Văn Trọng	Nam	19/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	5,00	20,50	NV1	
332	15100838	Lê Thị Thanh Trúc	Nữ	07/06/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	7,75	4,50	20,50	NV1	
333	15100863	Nguyễn Xuân Tuấn	Nam	08/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	8,5	4,25	20,50	NV1	
334	15100868	Trương Đình Tuyền	Nam	13/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	8,25	4,25	20,50	NV1	
335	15100876	Nguyễn Thị Tô Uyên	Nữ	06/06/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	6,75	9	4,75	20,50	NV1	
336	15100904	Trương Văn Vũ	Nam	14/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	5,00	20,50	NV1	
337	15100935	Ta Thị Bảo Yên	Nữ	11/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7	6,5	7,00	20,50	NV1	
338	15100307	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	06/03/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,59	7,25	5,50	20,34	NV1	
339	15100037	Trần Đức Anh	Nam	26/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	8,25	4,00	20,25	NV1	
340	15100042	Trần Thị Lan Anh	Nữ	06/03/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,25	4,50	20,25	NV1	
341	15100069	Đoàn Thị Ngọc Bảo	Nữ	14/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	8,25	4,50	20,25	NV1	
342	15100077	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	Nam	29/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8,5	4,25	20,25	NV1	
343	15100106	Nguyễn Hà Chi	Nữ	22/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	8,75	4,00	20,25	NV1	
344	15100138	Lê Thị Dung	Nữ	16/12/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	8,25	4,50	20,25	NV1	
345	15100202	Vương Quốc Đạt	Nam	19/07/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,75	7,75	4,75	20,25	NV1	
346	15100310	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	14/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	8,25	4,25	20,25	NV1	
347	15100316	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	10/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	4,50	20,25	NV1	
348	15100366	Đinh Thị Ngọc Lan	Nữ	09/07/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,75	8	4,50	20,25	NV1	
349	15100437	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	07/06/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7	8,5	4,75	20,25	NV1	
350	15100482	Trần Thị Thúy Nga	Nữ	12/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,25	8	5,00	20,25	NV1	
351	15100502	Hồ Sỹ Nguyên	Nam	22/08/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7	8,5	4,75	20,25	NV1	
352	15100515	Nguyễn Thiên Nhân	Nam	22/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7	8	5,25	20,25	NV1	
353	15100537	Nguyễn Thị Yên Nhi	Nữ	04/04/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	8,25	4,25	20,25	NV1	
354	15100620	Trần Đình Quang	Nam	12/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	8	4,50	20,25	NV1	
355	15100661	Nguyễn Mai Sinh	Nữ	02/03/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	8,5	4,25	20,25	NV1	
356	15100681	Nguyễn Minh Tân	Nam	01/04/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,75	4,00	20,25	NV1	
357	15100687	Vũ Văn Thạc	Nam	11/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	7,25	5,00	20,25	NV1	
358	15100860	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	20/05/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	8	4,75	20,25	NV1	
359	15100887	Đường Hà Vi	Nữ	08/11/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	9	4,25	20,25	NV1	
360	15100003	Lê Thúy An	Nữ	08/08/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7	7,5	5,50	20,00	NV1	
361	15100026	Lê Đức Anh	Nam	18/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	7,5	4,50	20,00	NV1	
362	15100060	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8	4,50	20,00	NV1	
363	15100118	Trần Đình Công	Nam	03/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,25	4,25	20,00	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
364	15100128	Nguyễn Việt Danh	Nam	01/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8	4,50	20,00	NV1	
365	15100129	Hoàng Thị Diễm	Nữ	23/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	8	5,00	20,00	NV1	
366	15100172	Phan Thủy Dương	Nữ	24/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	8	4,00	20,00	NV1	
367	15100187	Phùng Linh Đan	Nữ	01/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	7,75	4,75	20,00	NV1	
368	15100314	Trần Thị Huyền	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	7,25	5,25	20,00	NV1	
369	15100336	Nguyễn Văn Khang	Nam	11/04/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	8,25	4,50	20,00	NV1	
370	15100338	Hồ Tiên Khánh	Nam	08/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,25	7,5	5,25	20,00	NV1	
371	15100465	Đường Lê Na	Nữ	27/08/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	6,75	7,75	5,50	20,00	NV1	
372	15100486	Trương Thị Bảo Ngân	Nữ	30/08/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	9	3,50	20,00	NV1	
373	15100495	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	29/03/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6,5	8,75	4,75	20,00	NV1	
374	15100518	Nguyễn Bá Long Nhật	Nam	07/09/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	6,5	6,00	20,00	NV1	
375	15100566	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	19/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,5	7	6,50	20,00	NV1	
376	15100636	Lê Văn Quyền	Nam	12/05/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	7	5,25	20,00	NV1	
377	15100682	Trần Mạnh Tân	Nam	13/08/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	7,5	4,50	20,00	NV1	
378	15100695	Hà Thị Trâm Thanh	Nữ	13/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	7,75	4,25	20,00	NV1	
379	15100719	Hoàng Đình Thiên	Nam	25/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,25	7,25	5,50	20,00	NV1	
380	15100818	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	11/11/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	7,25	8,75	4,00	20,00	NV1	
381	15100820	Võ Thị Bảo Trân	Nữ	28/03/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	9,25	3,25	20,00	NV1	
382	15100925	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	06/12/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	7,75	4,25	20,00	NV1	
383	15100930	Hoàng Bảo Yên	Nữ	23/02/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	8,25	3,75	20,00	NV1	
384	15100672	Trần Tú Tài	Nam	25/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8,25	7,3	4,25	19,80	NV1	
385	15100029	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	29/06/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8,25	4,00	19,75	NV1	
386	15100094	Hoàng Văn Cảnh	Nam	08/08/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	8	4,75	19,75	NV1	
387	15100179	Lê Phạm Linh Đan	Nữ	09/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	7,75	4,50	19,75	NV1	
388	15100211	Nguyễn Trọng Đức	Nam	12/10/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8	6,75	5,00	19,75	NV1	
389	15100224	Hồ Thị Thu Hà	Nữ	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,25	8,5	5,00	19,75	NV1	
390	15100249	Phan Thị Anh Hằng	Nữ	28/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	6,75	5,00	19,75	NV1	
391	15100262	Phan Thanh Hiền	Nữ	04/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	4,00	19,75	NV1	
392	15100381	Đinh Thị Linh	Nữ	21/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,75	3,50	19,75	NV1	
393	15100385	Hoàng Khánh Linh	Nữ	02/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	6,5	8,75	4,50	19,75	NV1	
394	15100452	Nguyễn Sỹ Anh Minh	Nam	06/08/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8	3,75	19,75	NV1	
395	15100476	Bùi Thị Nga	Nữ	30/06/2011	Mường	THCS Nguyễn Hữu Đạo	1	0	7,25	8	3,50	19,75	NV1	
396	15100485	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	26/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	8	4,50	19,75	NV1	
397	15100529	Hoàng Thị Yên Nhi	Nữ	26/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,25	8,75	3,75	19,75	NV1	
398	15100538	Nguyễn Thị Yên Nhi	Nữ	25/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6	9	4,75	19,75	NV1	
399	15100548	Cao Thị Hồng Nhung	Nữ	26/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	8	4,50	19,75	NV1	
400	15100559	Đặng Quỳnh Như	Nữ	07/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8,75	3,00	19,75	NV1	
401	15100580	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	29/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	6,75	9	4,00	19,75	NV1	
402	15100609	Nguyễn Hà Phương	Nữ	01/04/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	4,00	19,75	NV1	
403	15100628	Lê Đình Quốc	Nam	02/01/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8,25	7	4,50	19,75	NV1	
404	15100634	Cao Thị Lê Quyền	Nữ	21/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	7	5,25	19,75	NV1	
405	15100640	Nguyễn Hữu Quyết	Nam	07/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8,25	7,5	4,00	19,75	NV1	
406	15100651	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	08/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	8,5	4,25	19,75	NV1	
407	15100658	Đào Quang Sáng	Nam	18/10/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,25	8,75	3,75	19,75	NV1	
408	15100674	Lê Thị Tâm	Nữ	12/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	6,75	8,5	4,50	19,75	NV1	
409	15100686	Nguyễn Trọng Tân	Nam	22/02/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	8	7,25	4,50	19,75	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
410	15100688	Trần Thọ Thạch	Nam	28/05/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	8	3,75	19,75	NV1	
411	15100772	Thạch Đức Toàn	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8,25	7,5	4,00	19,75	NV1	
412	15100802	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	15/12/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,75	8,5	4,50	19,75	NV1	
413	15100840	Nguyễn Bá Thành Trung	Nam	13/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	8	7	4,75	19,75	NV1	
414	15100861	Nguyễn Tiên Anh Tuấn	Nam	20/02/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,5	3,75	19,75	NV1	
415	15100862	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam	01/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	8	8	3,75	19,75	NV1	
416	15100909	Lê Tường Vy	Nữ	14/05/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	7,75	4,75	19,75	NV1	
417	15100006	Nguyễn Duy Bảo An	Nam	18/09/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,75	6	5,75	19,50	NV1	
418	15100021	Hà Thị Phương Anh	Nữ	10/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	7	5,50	19,50	NV1	
419	15100051	Hồ Thị Diệp Anh	Nữ	27/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,75	7,5	4,25	19,50	NV1	
420	15100101	Lê Bảo Châu	Nữ	15/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	8	8	3,50	19,50	NV1	
421	15100121	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	22/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8	7,25	4,25	19,50	NV1	
422	15100221	Hoàng Khánh Hà	Nữ	25/10/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	7,75	4,25	19,50	NV1	
423	15100233	Phan Quang Hải	Nam	12/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	4,00	19,50	NV1	
424	15100237	Trần Xuân Hào	Nam	26/09/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8	7,5	4,00	19,50	NV1	
425	15100284	Đoàn Bá Hoàng	Nam	29/06/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,75	7	4,75	19,50	NV1	
426	15100389	Hồ Thị Thùy Linh	Nữ	05/07/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8	4,00	19,50	NV1	
427	15100415	Phạm Thị Tú Loan	Nữ	01/12/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	8,25	4,25	19,50	NV1	
428	15100416	Vương Thị Thanh Loan	Nữ	19/09/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,25	9	3,25	19,50	NV1	
429	15100499	Trịnh Thị Bảo Ngọc	Nữ	01/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6,75	8	4,75	19,50	NV1	
430	15100504	Nguyễn Hữu Tư Nguyễn	Nam	03/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	7	4,75	19,50	NV1	
431	15100512	Võ Thị Thanh Nhân	Nữ	30/04/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	6,25	7,75	5,50	19,50	NV1	
432	15100514	Nguyễn Thiện Nhân	Nam	15/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,75	8,25	3,50	19,50	NV1	
433	15100525	Chu Thị Yên Nhi	Nữ	26/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,75	7,5	5,25	19,50	NV1	
434	15100541	Thái Thị Linh Nhi	Nữ	28/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,25	9	3,25	19,50	NV1	
435	15100623	Nguyễn Bá Quân	Nam	15/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	7,5	4,50	19,50	NV1	
436	15100624	Nguyễn Khắc Quân	Nam	21/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	8,25	6,75	4,50	19,50	NV1	
437	15100625	Nguyễn Minh Quân	Nam	19/12/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	8	8	3,50	19,50	NV1	
438	15100639	Nguyễn Anh Quyết	Nam	26/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	6,5	8	5,00	19,50	NV1	
439	15100730	Nguyễn Văn Thịnh	Nam	16/07/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	7,5	4,50	19,50	NV1	
440	15100762	Trần Lê Hoài Thương	Nữ	06/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	8	4,50	19,50	NV1	
441	15100788	Nguyễn Thị Hoài Trang	Nữ	05/03/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	8,25	3,75	19,50	NV1	
442	15100816	Trần Bảo Trâm	Nữ	23/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8	4,00	19,50	NV1	
443	15100857	Bùi Minh Tuấn	Nam	03/02/2011	Mường	THCS Hùng Thành	1	0	7,5	8,25	2,75	19,50	NV1	
444	15100889	Trần Thị Tường Vi	Nữ	19/11/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	7,75	4,75	19,50	NV1	
445	15100921	Trần Tường Vy	Nữ	22/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,5	8	5,00	19,50	NV1	
446	15100009	Trần Đình An	Nam	06/06/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	6,75	8	4,50	19,25	NV1	
447	15100032	Phan Tuấn Anh	Nam	17/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	7,75	4,00	19,25	NV1	
448	15100043	Trần Thị Lan Anh	Nữ	04/08/2010	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	9	3,00	19,25	NV1	
449	15100057	Trần Thị Anh	Nữ	14/09/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	7,5	4,00	19,25	NV1	
450	15100139	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	29/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8,25	3,50	19,25	NV1	
451	15100214	Tăng Văn Đức	Nam	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	8	3,75	19,25	NV1	
452	15100234	Ta Quốc Hành	Nam	20/05/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	7,5	4,50	19,25	NV1	
453	15100280	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	29/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	6	8,5	4,75	19,25	NV1	
454	15100287	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	30/08/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	7,5	4,50	19,25	NV1	
455	15100296	Đặng Thanh Hùng	Nam	30/01/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	8,5	3,50	19,25	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
456	15100299	Nguyễn Văn Hùng	Nam	29/03/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	8,25	6,5	4,50	19,25	NV1	
457	15100325	Trần Lê Hưng	Nam	01/08/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,25	6,75	5,25	19,25	NV1	
458	15100326	Võ Thị Quỳnh Hương	Nữ	28/08/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	3,75	19,25	NV1	
459	15100355	Nguyễn Hữu Mạnh Kiên	Nam	11/08/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7	8	4,25	19,25	NV1	
460	15100357	Bùi Xuân Kiệt	Nam	13/01/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,5	3,25	19,25	NV1	
461	15100472	Nguyễn Tùng Nam	Nam	24/09/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7	7,25	5,00	19,25	NV1	
462	15100521	Trần Đình Nhật	Nam	28/07/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	6,5	7,25	5,50	19,25	NV1	
463	15100567	Nguyễn Thị Tuyết Như	Nữ	26/11/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,25	7,5	5,50	19,25	NV1	
464	15100631	Chu Thị Quy	Nữ	16/12/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	8,5	3,25	19,25	NV1	
465	15100638	Phan Quốc Quyền	Nam	26/09/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,5	8,25	3,50	19,25	NV1	
466	15100649	Phan Thị Như Quỳnh	Nữ	05/02/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7	7	5,25	19,25	NV1	
467	15100683	Trần Văn Tân	Nam	13/09/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8	3,75	19,25	NV1	
468	15100732	Võ Đức Thịnh	Nam	07/09/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,5	7	4,75	19,25	NV1	
469	15100749	Chu Thị Anh Thư	Nữ	15/12/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,5	8	3,75	19,25	NV1	
470	15100783	Lê Quỳnh Trang	Nữ	19/05/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7	9	3,25	19,25	NV1	
471	15100806	Vương Thị Thu Trang	Nữ	13/05/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7	9	3,25	19,25	NV1	
472	15100815	Phạm Thị Bảo Trâm	Nữ	03/01/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7	8	4,25	19,25	NV1	
473	15100844	Bùi Huy Trường	Nam	17/02/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,5	7,25	4,50	19,25	NV1	
474	15100875	Lưu Võ Linh Uyên	Nữ	06/08/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7	7,5	4,75	19,25	NV1	
475	15100882	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	23/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	6,5	9,25	3,50	19,25	NV1	
476	15100926	Phan Thị Như Ý	Nữ	16/10/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	7,5	4,50	19,25	NV1	
477	15100929	Đình Thị Hải Yên	Nữ	14/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	6,75	7,25	5,25	19,25	NV1	
478	15100047	Trần Tuấn Anh	Nam	03/07/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	6,5	8	4,50	19,00	NV1	
479	15100073	Lê Duy Gia Bảo	Nam	27/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	7,75	3,75	19,00	NV1	
480	15100075	Lê Văn Bảo	Nam	26/04/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7	8,5	3,50	19,00	NV1	
481	15100082	Trần Duy Bảo	Nam	12/04/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	8	2,75	19,00	NV1	
482	15100093	Trương Thị Bình	Nữ	11/11/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,25	8,5	3,25	19,00	NV1	
483	15100147	Nguyễn Phúc Dũng	Nam	04/01/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,75	6,75	4,50	19,00	NV1	
484	15100156	Lê Quốc Duy	Nam	02/02/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	7,75	3,75	19,00	NV1	
485	15100158	Nguyễn Văn Duy	Nam	04/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,25	8	3,75	19,00	NV1	
486	15100182	Nguyễn Thị Hoài Đan	Nữ	03/07/2011	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	7,25	9	2,75	19,00	NV1	
487	15100191	Trần Minh Đăng	Nam	21/03/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	7,5	8	3,50	19,00	NV1	
488	15100192	Hoàng Minh Đạo	Nam	09/06/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,25	7,75	4,00	19,00	NV1	
489	15100248	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	25/02/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	5,75	6,75	6,50	19,00	NV1	
490	15100256	Cao Xuân Hậu	Nam	18/06/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	8,25	5,75	5,00	19,00	NV1	
491	15100258	Đình Thị Thanh Thanh Hiền	Nữ	12/01/2011	Kinh	THCS Phú Hồng	0	0	7,5	6,75	4,75	19,00	NV1	
492	15100277	Phạm Văn Vũ Hòa	Nam	10/09/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	8	7,25	3,75	19,00	NV1	
493	15100311	Phạm Thị Huyền	Nữ	01/03/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	7,75	8,5	2,75	19,00	NV1	
494	15100354	Nguyễn Đức Kiên	Nam	01/08/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	7,75	3,75	19,00	NV1	
495	15100375	Ngô Thị Mỹ Lê	Nữ	21/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Hữu Đạo	0	0	7,5	8	3,50	19,00	NV1	
496	15100466	Lê Quỳnh Na	Nữ	24/10/2011	Kinh	TH và THCS Hậu Thành	0	0	7,5	7,5	4,00	19,00	NV1	
497	15100481	Thạch Thị Quỳnh Nga	Nữ	22/10/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8	3,50	19,00	NV1	
498	15100516	Trần Đình Nhật	Nam	24/09/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7,25	6,75	5,00	19,00	NV1	
499	15100545	Trần Thị Yên Nhi	Nữ	27/08/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thộc	0	0	7,25	9	2,75	19,00	NV1	
500	15100787	Nguyễn Thị Trang	Nữ	12/07/2010	Kinh	THCS Hùng Thành	0	0	6,75	8,75	3,50	19,00	NV1	
501	15100804	Trần Thị Thủy Trang	Nữ	27/10/2011	Kinh	Trường THCS Mã Thành	0	0	6,5	8,5	4,00	19,00	NV1	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Học sinh trường	Điểm ưu tiên	Điểm khuyến khích	Điểm bài thi			Điểm xét tuyển	Nguyện vọng	Ghi chú
									Toán	Ngữ Văn	Ngoại ngữ			
502	15100809	Lê Bảo Trâm	Nữ	23/08/2011	Kinh	Trường THCS Phúc Thành	0	0	7,5	8	3,50	19,00	NV1	
503	15100842	Nguyễn Thế Trung	Nam	13/12/2011	Kinh	THCS Hồ Tông Thốc	0	0	8	6,75	4,25	19,00	NV1	
504	15100877	Trần Nhã Uyên	Nữ	09/06/2011	Kinh	THCS Tân Thành	0	0	7	9,25	2,75	19,00	NV1	
505	15100878	Hoàng Cẩm Vân	Nữ	23/10/2011	Kinh	THCS Đức Thành	0	0	6,25	8	4,75	19,00	NV1	